

Bản án số: 172/2022/HS-PT  
Ngày 02-8-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Sang.

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Ông Nguyễn Văn Tài

**- Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 7 và 02 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 89/2022/TLPT-HS ngày 02 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Lê Tr và các bị khác do có kháng cáo của bị cáo Lê Tr và các bị cáo khác đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2022/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

1. Lê Tr, sinh năm 1993 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi đăng ký thường trú: ấp C, xã Th, huyện Ô, tỉnh V; nơi đăng ký tạm trú: tổ S, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ cơ khí; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê O và bà Tô H; bị cáo có vợ là bà Ngô L; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 27/6/2021 đến ngày 06/7/2021 được thay đổi bằng Biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Phạm Ph, sinh năm 1982 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp Th, thị trấn Ph, huyện A, tỉnh A; chỗ ở: tổ S, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: nam; tôn giáo: Hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm B và bà Lê N; có vợ tên là bà Trần X và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021 được thay đổi bằng Biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Nguyễn T, sinh năm 1978 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký thường trú: tổ M, ấp H, xã A, thành phố C, tỉnh Đ; chỗ ở: số 170 đường B, khu phố N1, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngh (đã chết) và bà Nguyễn Nh (đã chết); bị cáo có vợ tên Lê Ng và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 21/7/1998, Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Đ xử phạt 18 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản của công dân (chấp hành xong hình phạt ngày 13/6/1999); bị bắt tạm giữ từ ngày 27/6/2021 đến ngày 06/7/2021 được thay đổi bằng Biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt .

4. Nguyễn Đ, sinh năm 1978 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp V, xã Tr, huyện S, tỉnh A; chỗ ở: tổ S, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H (đã chết) và bà Lê C; bị cáo có chồng tên Dương B và có 03 người con; tiền án: không; tiền sự: ngày 08/5/2018, Công an thị xã D (nay là thành phố D) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (đóng phạt ngày 29/7/2022); bị bắt tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021 được thay đổi bằng Biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Lê M, sinh năm 1988 tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký thường trú: ấp C, xã K, huyện Tr, tỉnh C; chỗ ở: tổ S, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê N và bà Trương Q; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021 được thay đổi bằng Biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Nguyễn X, sinh năm 1981 tại thành phố Cần Thơ ; nơi đăng ký thường trú: ấp M, xã Đ, huyện Đ, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: số 10, tổ M, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn V (đã chết) và bà Nguyễn Y; bị cáo có vợ tên Lê K và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021 được thay đổi bằng Biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Trương T, sinh năm 1982 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: số 159 khu vực H, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: 23/7 khu phố Th, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương C và bà Lê Q; bị cáo có chồng là ông Lê D (đã chết) và có 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021 được thay đổi bằng Biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

8. Phạm B, sinh năm 1975 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: tổ H, ấp V, xã V, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: tổ T, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ch (đã chết) và bà Trần X (đã chết); có vợ là bà Nguyễn H và 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021 được thay đổi bằng Biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

9. Lê A, sinh năm 1966 tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký thường trú: thôn H, xã Th, huyện H, tỉnh Bình Định; chỗ ở: số 166/8 khu phố H, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê L (đã chết) và bà Sừ Th; bị cáo có vợ là bà Đào Th và 04 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021 được thay đổi bằng Biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 27/6/2021, Phạm Ph, Nguyễn X, Nguyễn Đ, Trương T, Nguyễn T và Lê M đến nhà trọ tổ 10, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương gặp Lê Tr xin cho chơi đánh bài binh ăn độ 6 lá thắng thua bằng tiền. Lúc này, Lê Tr đi ra tiệm tạp hóa mua 04 bộ bài tây 52 lá rồi cung cấp một cái chiếu và một tấm bạt nhựa để cho cả nhóm chơi đánh bạc tại sân nhà tôn dùng để nuôi gà sát bên dãy nhà trọ. Một lúc sau, Lê A, Phạm B và một số đối tượng (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến chơi cùng, mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng. Riêng Lê Tr đứng bên ngoài để canh gác và thu tiền xâu của các con bạc. Quá trình chơi, có một số đối tượng bỏ về trước. Đến khoảng 15 giờ 30 cùng ngày, khi cả nhóm đang đánh bạc thì Công an phường T kiểm tra phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra xác định như sau:

Nguyễn Đ mang theo 2.000.000 đồng và sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Nguyễn Đ thắng 300.000 đồng. Khi bị bắt, thu giữ của Nguyễn Đ 7.000.000 đồng, bao gồm: 2.300.000 đồng tiền sử dụng đánh bạc bỏ trong áo và 4.700.000 đồng Nguyễn Đ nhặt được bỏ vào túi quần trong lúc bỏ chạy. Lê M mang theo số tiền 2.600.000 đồng và sử dụng 2.600.000 đồng đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Lê M thua số tiền 500.000 đồng, khi bị bắt thu giữ 2.100.000 đồng trên người. Phạm B mang theo số tiền 800.000 đồng và sử dụng 800.000 đồng đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Phạm B không thắng không thua, khi bị bắt thu giữ 800.000 đồng trên người. Trương T mang theo số tiền 2.570.000 đồng và sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Trương T không thắng không thua, khi bị bắt thu giữ 2.570.000 đồng trên người. Phạm Ph mang theo số tiền 5.000.000 đồng và sử dụng 5.000.000 đồng đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Phạm Ph thua 900.000 đồng, khi bị bắt thu giữ 4.000.000 đồng trong túi quần, đã trả tiền xâu 100.000 đồng cho Lê Tr. Nguyễn X mang theo số tiền 7.000.000 đồng và sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc Nguyễn X thắng 300.000 đồng, khi bị bắt thu giữ 7.300.000 đồng trên người. Nguyễn T mang theo số tiền 4.200.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Nguyễn T thắng 8.300.000 đồng, khi bị bắt thu giữ 12.450.000 đồng trong túi quần, đã trả tiền xâu 50.000 đồng cho Lê Tr.

Lê A mang theo số tiền 2.500.000 đồng và sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. Từ khi chơi đến khi bị bắt thua 500.000 đồng, khi bị bắt thu giữ 2.000.000 đồng trên người.

Lê Tr thu tiền xâu, khi bị bắt thu giữ 350.000 đồng, trong đó 150.000 đồng tiền xâu, 200.000 đồng tiền của Lê Tr.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là: 25.100.000 đồng

Vật chứng thu giữ: 04 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 01 tấm bạt nhựa; 01 cái chiếu và 32.020.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 385/CT – VKS ngày 25 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Tr về tội tổ chức đánh bạc theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự, truy tố các bị cáo Phạm Ph, Nguyễn T, Nguyễn Đ, Lê M, Nguyễn X, Trương T, Phạm B và Lê A về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2022/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố D quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Tr phạm tội tổ chức đánh bạc.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Tr 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Ph, Nguyễn T, Nguyễn Đ, Lê M, Nguyễn X, Trương T, Phạm B và Lê A phạm tội đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Ph 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đ 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021.

Xử phạt bị cáo Lê M 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn X 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021.

Xử phạt bị cáo Trương T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021.

Xử phạt bị cáo Phạm B 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021.

Xử phạt bị cáo Lê A 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn T 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về Biện pháp ngăn chặn, Biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Ngày 20/01/2022, các bị cáo Lê Tr, Phạm Ph, Nguyễn Đ, Lê M, Nguyễn X, Trương T, Phạm B và Lê A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Ngày 25/01/2022 bị cáo Nguyễn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý và đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng theo quy định tại các Điều 332, 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm xác định: Khoảng 14 giờ ngày 27/6/2021, Lê Tr đã sử dụng nhà tại nhà tôn thuộc tổ M, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và cung cấp bài tây, chiếu, bạt nhựa để tổ chức cho Nguyễn Đ, Lê A, Nguyễn T, Lê M, Nguyễn X, Phạm B, Phạm Ph và Trương T cùng đồng phạm đánh bài binh ăn độ 6 lá thắng thua bằng tiền với tổng số tiền dùng đánh bạc là 25.100.000 đồng và Lê Tr thu tiền xâu 150.000

Xét kháng cáo của các bị cáo:

- Đối với đơn kháng cáo của bị cáo Lê Tr: Ngày 27/6/2021, bị cáo Lê Tr đã có hành vi cung cấp địa điểm, các bộ bài tây, chiếu, bạt nhựa và cảnh giới để tổ chức cho các bị cáo đánh bạc thắng thua bằng tiền với tổng số tiền dùng đánh bạc là 25.100.000 đồng nhằm mục đích thu lợi bất chính (thu xâu) với số tiền 150.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo tuyên xử 01 năm 03 tháng tù là phù hợp. Do đó, kháng cáo của bị cáo Lê Tr không có cơ sở xem xét.

- Đối với đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn T, Nguyễn Đ, Phạm Ph: Bị cáo Nguyễn T năm 1998 từng chấp hành án về tội Trộm cắp tài sản của công dân, bị cáo Nguyễn T sử dụng số tiền 4.200.000 đồng để thực hiện hành vi phạm tội cùng đồng phạm khi bị phát hiện Nguyễn T thắng 8.300.000 đồng; bị cáo Nguyễn Đ năm 2018 bị xử phạm hành chính về hành vi đánh bạc và trong vụ án này bị cáo Nguyễn Đ sử dụng 2.000.000 đồng; Bị cáo Phạm Ph tham gia đánh bạc sử dụng số tiền nhiều nhất 5.000.000 đồng. Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản, cùng trực tiếp tham gia cá cược với nhau được thua bằng tiền, do đó cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của các bị cáo tuyên xử mỗi bị cáo 08 tháng tù là phù hợp. Do đó, kháng cáo của các bị cáo không có cơ sở xem xét.

- Đối với đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn X, Trương T, Lê M, Lê A, Phạm B. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm giản đơn, các bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi, trong đó các bị cáo sử dụng tiền đánh bạc không lớn (Lê M 2.600.000 đồng, Nguyễn X 2.000.000 đồng, Trương T 1.000.000 đồng, Phạm B 800.000 đồng, Lê A 500.000 đồng)/25.100.000 đồng/9 bị cáo nên cấp sơ thẩm tuyên xử các bị cáo Nguyễn X, Trương T, Lê M, Tiên, Phạm B 06 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có trình độ học vấn thấp nên hạn chế về nhận thức pháp luật đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bản thân các bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự và

không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, kháng cáo của các bị cáo có cơ sở xem xét một phần.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Tr, Nguyễn T, Nguyễn Đ, Phạm Ph. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2022/HS-ST ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với các bị cáo Lê Tr, Nguyễn T, Nguyễn Đ, Phạm Ph.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn X, Trương T, Lê M, Lê A, Phạm B; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2022/HS-ST ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố D về hình phạt đối với các bị cáo, xử phạt: các bị cáo Nguyễn X, Trương T, Lê M, Lê A, Phạm B: 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm đối với các bị cáo;

Các bị cáo không tranh luận, trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đúng.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 21/6/2021, tại sân nhà tôn dùng để nuôi gà sát bên dãy nhà trọ tổ M, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, bị cáo Lê Tr tổ chức cho các bị cáo Phạm Ph, Nguyễn T, Nguyễn Đ, Lê M, Nguyễn X, Trương T, Phạm B và Lê A chơi bài binh ăn độ thắng thua bằng tiền với tổng số tiền 25.100.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Tr đã đủ yếu tố cấu thành tội tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; hành vi của các bị cáo

Phạm Ph, Nguyễn T, Nguyễn Đ, Lê M, Nguyễn X, Trương T, Phạm B và Lê A đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với các bị cáo Lê M, Nguyễn X, Trương T, Phạm B và Lê A, Phạm Ph: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ phạm tội và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Tuy nhiên các bị cáo có nhân thân tốt chưa tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; số tiền tham gia đánh bạc không lớn. Với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm của các bị cáo, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội. Áp dụng hình phạt tiền cũng đủ răn đe, giáo dục, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

Đối với Nguyễn T, ngày 21/7/1998, Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 18 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản của công dân (chấp hành xong hình phạt ngày 13/6/1999), từ khi chấp hành phạt đến nay đã hơn 20 năm, với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm của các bị cáo cũng không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tiền cũng đủ răn đe, giáo dục, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

Đối với các bị cáo: Lê Tr có hành vi tổ chức, tạo điều kiện cho các con bạc tham gia đánh bạc, thu xâu 150.000 đồng, với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bằng hình phạt tù là phù hợp. Tuy nhiên, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có cha là ông Lê O là người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự. Ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, trường hợp của bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Đối với bị cáo Nguyễn Đ: ngày 08/5/2018, Công an thị xã D (nay là thành phố D) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, ngày 18/5/2018 bị cáo đã được giao nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng đến ngày phạm tội mới (21/6/2021) bị cáo vẫn chưa nộp phạt, do vậy bị cáo chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính (theo Điều 7 Luật xử lý Vi phạm hành chính), trường hợp của bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án

treo theo Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn là phù hợp.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo Nguyễn Đ là phù hợp; đối với các bị cáo Lê Tr, Phạm Ph, Nguyễn T, Lê M, Nguyễn X, Trương T, Phạm B và Lê A là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử quyết định tội danh, hình phạt khác.

[5] Các phần khác quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí phúc thẩm: Các bị cáo Lê Tr, Phạm Ph, Nguyễn T, Lê M, Nguyễn X, Trương T, Phạm B và Lê A không phải nộp. Bị cáo Nguyễn Đ phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, 356 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đ.

2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Tr, Phạm Ph, Nguyễn T, Lê M, Nguyễn X, Trương T, Phạm B và Lê A, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2022/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố D về phần hình phạt như sau:

Tuyên bố bị cáo Lê Tr phạm tội Tổ chức đánh bạc; các bị cáo Phạm Ph, Nguyễn T, Lê M, Nguyễn X, Trương T, Phạm B, Lê A, Nguyễn Đ phạm tội Đánh bạc.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê Tr 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án phúc thẩm (02-8-2022).

Giao bị cáo Lê Tr về Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê Tr thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 38, của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đ 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/6/2021 cho đến ngày 06/7/2021.

1.3 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 35, của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn T số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Phạm Ph số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê M số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn X số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Trương T số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Phạm B số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Lê A số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Lê Tr, Phạm Ph, Nguyễn T, Lê M, Nguyễn X, Trương T, Phạm B, Lê A không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Đ phảo nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương (2);
- VKSND thành phố D, tỉnh Bình Dương,;
- Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- Chi cục THADS thành phố D, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, NTS, 20.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Sang**